TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-PT
Ngày 12–4-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bế Chiến
Các thẩm phán: Ông Nông Hà Nam
Bà Nguyễn Thị Như

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Ma Thị Huyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2020/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Kim A (Tên gọi khác: T), sinh năm 1964
Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
- *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1970
Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn Đoàn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bùi Kim A trình bày:

Ngày 30/7/2017 bà Đoàn Thị B trú tại: Tổ 02, thị trấn K, huyện T, tỉnh Cao Bằng có vay bà số tiền là 242.640.000đ và thỏa thuận lãi là 1,66%/tháng. Thực ra số tiền đó là vay vài lần cộng lại mỗi lần vay bà B nói sẽ trả nhanh sau 5 ngày hoặc 1 tuần nhưng bà B không thực hiện đúng nên sau khoảng 10 lần. Bà yêu cầu bà B trả nợ gốc là 242.640.000đ và lãi 34 tháng x 4.027.824đ = 136.946.000đ. Tổng gốc và lãi là 379.586.000đ. Bà A đã nộp các chứng cứ 01 giấy khất nợ; 01 giấy vay tiền; 01 tờ photo phần tiền đã trả; 01 giấy thỏa thuận, 01 tờ cam kết.

Tại lời khai ngày 28/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đoàn Thị B trình bày:

Bà có được vay tiền với bà A nhưng số tiền không lớn như vậy, bà A vay bà B hai lần với tổng số tiền là 75.000.000đ, lần đầu là 50.000.000đ và lần thứ hai là 25.000.000đ và cho rằng bà A bắt bà ghi nợ lên đến 242.640.000đ là không đúng, bà ký nhận là do bà A dọa nạt bắt ký nhận rằng đã nợ bà A với số tiền là 242.640.000đ.

Bà B cũng có đơn phản ánh rằng là do bà A bắt ép nên bà mới ký nhận, các chứng cứ giấy tờ gốc giữa bà A và bà B không nộp cho Tòa được vì bà B cho rằng bà A đã hủy, bà không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà A. Tại biên bản lời khai ngày 16/9/2020 bà B chỉ đồng ý thanh toán số tiền 300.000.000 cho tất cả các khoản đã nợ bà A. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B không nhất trí trả nợ theo yêu cầu của bà A, bà cho rằng đã trả 45.000.000đ nên chỉ đồng ý trả thêm 100.000.000đ.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 71, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nôp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Kim A. Buộc bà Đoàn Thị B có trách nhiệm trả cho bà Bùi Kim A số tiền là 374.586.000đ, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 242.640.000đ và tiền lãi 131.946.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì người bị thi hành phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đoàn Thị B phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 18.729.000đ.

Bà Bùi Kim A được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 9.360.000đ theo Biên ai nộp tạm ứng án phí số AA/2018/00002292 ngày 18/5/2020 tại A cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 01 năm 2021 bị đơn Đoàn Thị B có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Kim A nhất trí chỉ yêu cầu bị đơn Đoàn Thị B trả số tiền gốc với số tiền là 242.640.000đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), không yêu cầu thanh toán số tiền lãi. Hai bên nhất trí thỏa thuận thời hạn bà B phải thanh toán số tiền trên chậm nhất vào ngày 09/7/2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, qua nghe kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ tranh chấp giữa bà Bùi Kim A và bà Đoàn Thị B cùng trú tại: Tổ 2, thị trấn K, huyện T, tỉnh Cao Bằng là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của bị đơn Đoàn Thị B:

Bị đơn Đoàn Thị B kháng cáo cho rằng khoản tiền bà vay với bà A đã bị bà A lập khống lên gấp nhiều lần, bà còn bị bà A ép ký nhận vào sổ của bà A, ngoài ra bà A còn đe dọa bà trong thời gian bà vay tiền.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, qua các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có sự việc vay mượn tiền với nhau, cụ thể là bà Đoàn Thị B cho rằng bà được vay bà A số tiền 75.000.000đ, bà A cho rằng bà B đã vay bà số tiền 242.640.000đ và giữa hai người thỏa thuận lãi suất là 1,66%/tháng.

Nguyên đơn Bùi Kim A đã giao nộp cho Tòa án 01 bản photo Giấy vay nợ ngày 30/7/2017 có chữ ký của bà Đoàn Thị B, nội dung thể hiện bà B vay bà A số tiền 242.640.000đ. Bà B thừa nhận bà được chốt Giấy vay nợ trên nhưng do bà bị bà A ép buộc. Xét thấy, việc bà B cho rằng bị ép buộc viết giấy vay nợ và việc bà cho rằng số tiền vay đã bị bà A lập khống lên là không có căn cứ bởi lẽ bà không đưa ra được bất cứ tài liệu nào làm căn cứ cho lời trình bày trên, từ năm 2017 cho đến nay bà cũng không làm đơn gửi các cơ quan chức năng để giải quyết hành vi đe dọa, ép buộc của bà A.

Việc bà B cho rằng bà chỉ được vay bà A số tiền 75.000.000đ Aa thành 2 đợt nhưng không có giấy tờ nộp cho Tòa án, tại đơn kháng cáo bà cho rằng đã trả

cho bà A số tiền 45.000.000đ. Bà Bùi Kim A xác nhận ngày 09/2/2019 (âm lịch) bà B đã trả cho bà số tiền 5.000.000đ, đối với số tiền 40.000.000đ bà B không đưa ra được bất cứ tài liệu nào thể hiện mà chỉ là lời trình bày không có căn cứ.

Tại phiên tòa, các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Kim A nhất trí chỉ yêu cầu bị đơn Đoàn Thị B trả số tiền gốc với số tiền là 242.640.000đ, không yêu cầu thanh toán số tiền lãi. Hai bên nhất trí thỏa thuận thời hạn bà B phải thanh toán số tiền trên cho bà A chậm nhất vào ngày 09/7/2021. HĐXX xét thấy đây là thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, do đó thỏa thuận trên cần được ghi nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn Đoàn Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đoàn Thị B, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bị đơn bà Đoàn Thị B trú tại Tổ 02, thị trấn K, huyện T, tỉnh Cao Bằng có trách nhiệm thanh toán cho bà Bùi Kim A trú tại Tổ 02, thị trấn K, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 242.640.000đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Thời hạn thanh toán: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến hết ngày 09/7/2021.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì người bị thi hành phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Đoàn Thị B phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 12.132.000đ (Mười hai triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng) và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà B đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002373 ngày 12/01/2021 tại A cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Bà Bùi Kim A được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 9.360.000đ (Chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai nộp tạm ứng án phí số AA/2018/00002292 ngày 18/5/2020 tại A cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh
- CCTHADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Bế Chiến